

Bản án số: 13/2024/KDTM-PT
Ngày: 08/4/2024
V/v: Tranh chấp thành viên với Công
ty

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơm;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phạm Văn Lợi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thúy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2023/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp thành viên với Công ty”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3462/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T; địa chỉ: Công ty L – P306, tầng 3, Tòa nhà CT3 – 2, khu đô thị M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2022), có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần G; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Việt C; địa chỉ: Số B Q, tổ D, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung K1; địa chỉ: Công ty L1, nhà số G, ngõ A, L, quận C, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 16/12/2022), có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Cao Xuân Q – Công ty L1,

Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Nhà số G, ngõ A, L, Cầu G, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Quốc Q1 và bà Đỗ Thị N (vợ ông Q1); cùng trú tại: Thôn L, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, đều có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lê Văn Q2 và bà Đỗ Thị O (vợ ông Q2); cùng trú tại: Thôn L, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội, ông Q2 vắng mặt, bà O có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q2: Bà Đỗ Thị O (Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2023).

3. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Ông Nguyễn Văn K (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Văn T trình bày:

Ngày 24/4/2017, ông Nguyễn Văn K và vợ là bà Nguyễn Thị T1 cùng vợ chồng các ông Đặng Quốc Q1, Lê Văn Q2 thỏa thuận góp vốn để mua lại cổ phần của Công ty cổ phần G (*viết tắt là Công ty G*) và tài sản của Công ty là nhà máy sản xuất gạch tại địa chỉ: Xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Theo đó các bên thống nhất sẽ góp đủ 42 tỷ đồng để mua lại Công ty G và cổ phần của các cổ đông với giá 10 tỷ đồng, phần còn lại mua toàn bộ nhà máy gạch Tuynel và các tài sản kèm theo của Công ty G, tăng thêm vốn để sản xuất kinh doanh. Thời điểm đó ông Đặng Quốc Q1 đề xuất góp vốn vào Công ty bằng cách nhận nợ thay cho Công ty G khoản nợ 13.500.000.000 đồng tại Ngân hàng A1 Chi nhánh T4, Hà Nội. Ông K cho rằng thỏa thuận trên là trái quy định pháp luật nên vô hiệu, thực tế ông Q1 cũng không thực hiện.

Ngày 25/4/2017, ông K và các thành viên nộp tiền và tiến hành mua Công ty. Để duy trì hoạt động của Công ty, bà Đỗ Thị N1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông Đặng Quốc Q1 – Tổng Giám đốc đã yêu cầu các cổ đông nộp thêm tiền theo từng đợt huy động để chi vào các việc cần thiết.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty G ngày 07/9/2017 và Bảng kê đính kèm theo đã xác nhận số tiền ông K đã cho Công ty G vay từ ngày 02/5/2017 đến ngày 31/8/2017 là 1.575.000.000 đồng; lãi suất tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 787.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 2.362.500.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận góp vốn lần 1 ngày 30/9/2017, các cổ đông thực tế nộp 26.750.000.000 đồng tương đương 100% cổ phần tương ứng 1.000.000 cổ phần và các tài sản là diện tích đất và nhà máy trên đất, các cổ đông sở hữu số cổ phần như sau:

- Ông Nguyễn Văn K góp 10.625.000.000 đồng chiếm 39,7% tương đương 397.000 cổ phần.

- Ông Lê Văn Q2 góp 8.375.000.000đ đồng chiếm 31,3% tương đương 313.000 cổ phần.

- Ông Đặng Quốc Q1 góp 7.750.000.000 đồng chiếm 29% tương đương 290.000 cổ phần.

Ngày 09/02/2021, ông K đã chuyển nhượng 250.000 cổ phần (với giá 18.000 đồng / cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 4.500.000.000 đồng) cho ông Vũ Việt C tương ứng 25% cổ phần Công ty. Số cổ phần ông K còn lại chiếm 14,7% tương đương 147.000 cổ phần.

Trong suốt thời gian từ năm 2017 đến nay Công ty G không thông tin, thanh toán trả cổ tức cho ông K theo quy định pháp luật. Ông K không được hưởng các quyền mà cổ đông được hưởng theo quy định tại Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2015. Ông K đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty thực hiện nghĩa vụ tuy nhiên Công ty không giải quyết, thoái thác trách nhiệm. Ông Nguyễn Văn K khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty G:

1. Ghi nhận số cổ phần mà ông K đang thực sở hữu tại Công ty cổ phần G với giá trị 14,7% và ngay lập tức thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết để ghi nhận số cổ phần này thuộc sở hữu của ông K, cũng như tư cách cổ đông của ông K trong Công ty.

2. Hoàn trả dứt điểm cho ông K số tiền gốc vay từ ngày 02/5/2017 đến 31/8/2017 với giá trị là 1.575.000.000 đồng cùng với lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 30/9/2022 là 787.500.000 đồng. Tổng giá trị cả gốc và lãi tạm tính là 2.362.500.000 đồng.

3. Hoàn trả cổ tức cho ông K từ năm 2017 đến nay (nếu có) tương ứng với số cổ phần thuộc sở hữu của ông K.

4. Cung cấp cho ông K tất cả các tài liệu, hồ sơ liên quan tới hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật từ thời điểm năm 2017 đến nay.

5. Các trách nhiệm, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là Công ty cổ phần G (thông qua đại diện hợp pháp) trình bày:

Ngày 09/02/2021, ông Nguyễn Văn K ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP với ông Vũ Việt C với nội dung: Chuyển nhượng 250.000 cổ phần phổ thông với giá 18.000đ/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 4.500.000.000 đồng; thanh toán bằng tiền mặt và chuyển khoản. Ngoài ra hợp đồng còn quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên. Cùng ngày, ông K và ông C đã giao nhận đủ tiền và đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng cổ phần và thể hiện tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 09/02/2021. Tại Hợp đồng chuyển nhượng và Biên bản thanh lý hợp đồng chuyển nhượng thể hiện “*Kể từ ngày 09/02/2021, Hợp đồng chuyển nhượng này được thanh lý xong, quyền và nghĩa vụ của hai bên đã thực hiện đầy đủ và sẽ chấm dứt mà không có vướng mắc, tranh*

chấp gì”; “Xác nhận việc chuyển nhượng của ông K cho ông C là hoàn toàn chính xác và đã được hoàn tất theo đúng quy định của điều lệ và luật doanh nghiệp, sau khi hợp đồng được ký kết thì mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của ông K liên quan đến việc sở hữu cổ phần tại Công ty G từ thời điểm bắt đầu sở hữu đến thời điểm chuyển nhượng sẽ do bà N1 và ông Q1 gánh chịu”.

Ngày 09/2/2021, Công ty G tiến hành lập sổ đăng ký cổ đông số 01/2021/SCĐ-GHN ghi nhận ông Vũ Việt C sở hữu 250.000 cổ phần phổ thông với giá trị 2,5 tỷ đồng. Đồng thời Công ty G đã sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty vào ngày 24/2/2021; Theo Điều lệ Công ty G có vốn điều lệ là 10 tỷ đồng tương đương 1.000.000 cổ phần phổ thông. Công ty có 03 cổ đông là bà Vũ Thị Quỳnh A có 600.000 cổ phần tương đương 60%, ông Vũ Việt C có 250.000 cổ phần tương đương 25%, ông Nguyễn Xuân T2 có 150.000 cổ phần tương đương 15%.

Ngày 20/4/2021, Công ty G đã được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 5 về việc thay đổi vốn điều lệ và cổ đông trong Công ty.

Đến thời điểm chuyển nhượng là ngày 09/02/2021, Công ty G (cũ) không nợ khoản nào của ông K. Công ty G đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Thống nhất với trình bày của ông K.

Ông Đặng Quốc Q1 và bà Đỗ Thị N trình bày: Tháng 3/2017, vợ chồng ông bà mua lại cổ phần của Công ty G. Tại thời điểm mua lại Công ty có 4 cổ đông gồm: Đặng Quốc Q1, Đỗ Thị N, Lê Văn Q2, Nguyễn Văn K. Ông Q1 giữ chức vụ Tổng Giám đốc và có 30% cổ phần, bà N có 20% cổ phần.

Do Công ty hoạt động gặp nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ nên đến năm 2021 đã chuyển nhượng hết toàn bộ cổ phần của Công ty, cụ thể ông Q1, bà N chuyển nhượng tổng 50% cổ phần cho bà Vũ Quỳnh A. Khi chuyển nhượng Công ty không còn khoản nợ nào với bất kỳ ai. Không có việc Công ty vay tiền của ông K; đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Bà Đỗ Thị O (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Q2) trình bày: Tháng 3/2017, vợ chồng ông bà mua lại cổ phần của Công ty G. Tại thời điểm mua lại Công ty có 04 cổ đông: Đặng Quốc Q1, Đỗ Thị N, Lê Văn Q2, Nguyễn Văn K. Vợ chồng bà có 25% cổ phần, vợ chồng ông Q1 có 50% cổ phần, ông K có 25% cổ phần.

Do Công ty hoạt động gặp nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ nên đến năm 2021 vợ chồng bà đã chuyển nhượng hết toàn bộ cổ phần của Công ty, cụ thể chuyển nhượng 15% cổ phần cho ông Nguyễn Xuân T2 và 10% cổ phần cho bà Vũ Quỳnh A. Khi chuyển nhượng Công ty không còn khoản nợ nào với bất kỳ ai. Không có việc Công ty vay tiền của ông K; đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại Bản kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26

tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 147; Điều 184; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 401, Điều 404 Bộ luật dân sự 2005; Điều 111, Điều 112, Điều 113, Điều 115, Điều 127, Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, án phí và lệ phí Tòa án; Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn K.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2023, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ mới và không hòa giải thống nhất được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn K trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa căn cứ vào thông tin thực tiễn, quy định pháp luật liên quan, phán quyết chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng như quy định pháp luật. Về ông Đặng Quốc Q1 góp vốn vào Công ty bằng cách nhận nợ thay cho Công ty G khoản nợ 13.500.000.000 đồng tại Ngân hàng A1 Chi nhánh T4, Hà Nội là không đúng quy định pháp luật. Có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Văn K góp 10.625.000.000 đồng chiếm 39,7% tương đương 397.000 cổ phần. Bản chất số tiền 13.500.000.000 đồng là công nợ của Công ty G, không phải là tài sản của cổ đông Công ty, các bên tham gia góp vốn không có quyền quyết định tới quyền và nghĩa vụ về tài sản đối với Công ty khi còn chưa là cổ đông của Công ty. Với việc cam kết góp 13.500.000.000 đồng thì ông Q1 mất đến 05 năm mới hoàn thành việc góp vốn là không phù hợp quy định pháp luật. Đối với khoản tiền 1.575.000.000 đồng là công nợ mà Công ty G đã vay của ông K, không phải là tăng vốn do số cổ phần, vốn điều lệ không tăng lên. Đề nghị Công ty G có trách nhiệm trả cả gốc và lãi đối với khoản tiền này. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty G thống nhất trình bày: Về số tiền góp vốn của từng cổ đông tại từng thời điểm là công khai, minh bạch, các cổ đông cũng đã ký xác nhận. Việc ông K đề nghị Công ty G ghi nhận số cổ phần tại Công ty C1 14,7% số cổ phần là không có cơ sở. Đối với số tiền 1.575.000.000 đồng, tại Biên bản cuộc họp hội đồng quản trị Công ty G liên quan đến nhà máy G1, ông K xác nhận số tiền 1.575.000.000 đồng là khoản góp vốn của ông K để xây dựng, sửa chữa nhà máy. Ông K đang bị nhầm lẫn khái niệm. Sau khi chuyển nhượng 25% cổ phần thuộc quyền sở hữu của mình tại Công ty G cho ông Vũ Việt C, ông K không còn là cổ đông của Công ty, không còn quyền và nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty. Do đó, yêu cầu khởi

kiện và kháng cáo của ông K là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Quốc Q1, bà Đỗ Thị N là ông Trần Dũng T3 trình bày thống nhất với quan điểm của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ sổ đăng ký cổ đông Công ty G số 01/2017/SCĐ-GHN ngày 28/4/2017 và tại Điều lệ Công ty ngày 28/4/2017 thể hiện ông K có 250.000 cổ phần chiếm 25% vốn điều lệ Công ty G. Tại Giấy chứng nhận góp vốn lần 1 ngày 30/9/2017 cũng thể hiện tương tự: Ông K góp vốn 10.625.000.000 đồng, tương ứng 25% vốn điều lệ. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông K có 25% cổ phần Công ty G. Ngày 09/02/2021, ông Nguyễn Văn K đã chuyển nhượng 250.000 cổ phần phổ thông tương ứng với 25% vốn điều lệ cho ông Vũ Việt C với giá chuyển nhượng là 18.000 đồng/01 cổ phần, công ty xác nhận ông K không còn quyền và nghĩa vụ liên quan đến Công ty. Do đó, yêu cầu xác nhận ông K có 14,7% số cổ phần Công ty là không có căn cứ.

Về số tiền 1.575.000.000 đồng, Biên bản cuộc họp hội đồng quản trị Công ty G ngày 07/9/2017 thể hiện ông K xác nhận số tiền 1.575.000.000 đồng là khoản góp vốn của ông K để xây dựng, sửa chữa nhà máy. Không có tài liệu chứng minh Công ty G vay ông K, ông K yêu cầu Công ty trả gốc và lãi là không có căn cứ.

Về yêu cầu trả cổ tức, trong thời gian kể từ năm 2017 cho đến khi ông K bán toàn bộ cổ phần của mình, Công ty G đã ghi nhận các khoản lỗ và không có thu nhập nào.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K nộp trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, căn cứ Điều 274, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của ông Nguyễn Văn K được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Q2, bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về số cổ phần ông K sở hữu tại Công ty G:

[2.1.1] Tại sổ đăng ký cổ đông Công ty G số 01/2017/SCĐ-GHN ngày 28/4/2017 và tại Điều lệ Công ty ngày 28/4/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng tương ứng 1.000.000 cổ phần phổ thông trong đó ông K có 250.000 cổ phần chiếm 25% vốn điều lệ Công ty G. Ông K không có ý kiến gì về số cổ phần đã được chứng nhận trong suốt thời gian từ năm 2017 đến ngày 09/2/2021. Ngoài ra, ông K không xuất trình được tài liệu chứng minh cho yêu cầu sở hữu 397.000 cổ phần (39,7% vốn điều lệ Công ty G).

[2.1.2] Tại Giấy chứng nhận góp vốn lần 1 ngày 30/9/2017 có đủ các thành viên của Công ty G ký xác nhận thể hiện: Ông K góp vốn 10.625.000.000 đồng, tương ứng 25% vốn điều lệ; Vợ chồng ông Q1, bà N đã góp vốn mua nhà máy với tổng số tiền là 21.250.000.000 đồng, tương ứng 50%, trong đó tiền mặt là 7.750.000.000 đồng và tiền vay Ngân hàng A1 Chi nhánh T4 là 13.500.000.000 đồng (riêng khoản vay này ông bà Q1, N chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi theo quy định Ngân hàng); Ông Q2 đã góp 8.375.000.000 đồng tương đương 19,64%, ông Q2 còn phải nộp thêm 2.250.000.000 đồng.

Thực tế, ông Q1, bà N đã thanh toán 13.500.000.000 đồng cho Ngân hàng A1 Chi nhánh T4, hiện nay Công ty G xác nhận Công ty không nợ Ngân hàng khoản tiền này.

[2.1.3] Ngày 09/02/2021, ông Nguyễn Văn K đã chuyển nhượng 250.000 cổ phần phổ thông tương ứng với 25% vốn điều lệ cho ông Vũ Việt C với giá chuyển nhượng là 18.000 đồng/01 cổ phần. Tổng giá trị chuyển nhượng là 4.500.000.000 đồng, ông K đã nhận đủ tiền từ ông C, giữa các bên đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng. Tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 09/02/2021 giữa ông K và ông C cũng ghi nhận: *“Ông Nguyễn Văn K đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần là 250.000 cổ phần, chiếm 25% tổng số vốn điều lệ Công ty cổ phần G cho ông Vũ Việt C...”* có xác nhận của Công ty G và ông K cũng ký xác nhận không còn là cổ đông của Công ty và không còn bất kỳ quyền lợi nào trong Công ty G. Thủ tục chuyển nhượng được thực hiện phù hợp với Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020. Sau khi các cổ đông mới mua cổ phần, Công ty G đã có thay đổi đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật.

[2.1.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc ông K cho rằng ông có 397.000 cổ phần tương ứng 39,7% vốn điều lệ Công ty G là không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc công nhận số cổ phần 14,7% tại Công ty G cũng như tư cách cổ đông trong Công ty là có cơ sở.

[2.2] Về khoản nợ ông K yêu cầu Công ty G phải trả gốc và lãi: Tại Biên bản cuộc họp hội đồng quản trị Công ty G về việc góp vốn đầu tư xây dựng, sửa

chữa cải tạo nhà máy G1 có bảng kê các cổ đông góp vốn từ ngày 01/5/2017 đến 07/9/2017 để xây dựng, sửa chữa nhà máy ngày 07/9/2017 có chữ ký của tất cả các thành viên Công ty, trong đó có ông K, xác nhận số tiền 1.575.000.000 đồng là khoản góp vốn của ông K và các thành viên khác để xây dựng, sửa chữa nhà máy. Ngoài ra, không có tài liệu nào chứng minh việc Công ty vay nợ ông K số tiền trên. Do đó, không có cơ sở xác định Công ty G còn nợ ông số tiền 1.575.000.000 đồng và tiền lãi là 787.500.000 đồng như yêu cầu của ông K và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K trình bày.

[2.3] Về việc hoàn trả cổ tức từ năm 2017 tới nay tương ứng với số cổ phần hiện có thuộc sở hữu của ông K: Trong thời gian kể từ năm 2017 cho đến khi ông K bán toàn bộ cổ phần của mình, Công ty G đã ghi nhận các khoản lỗ và không có thu nhập nào, dẫn đến việc ông K cùng các cổ đông khác phải chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông mới. Các tài liệu liên quan tới quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty G từ năm 2017 tới năm 2020 tại Chi cục Thuế khu vực T5 - P, thành phố Hà Nội cũng cho kết quả Công ty GHN làm ăn thua lỗ, không có lợi nhuận. Vì vậy, yêu cầu của ông K về việc yêu cầu Công ty phải hoàn trả cổ tức là không có căn cứ pháp lý.

[2.4] Đối với các yêu cầu Công ty cung cấp cho ông K tất cả các tài liệu, hồ sơ liên quan tới hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật từ thời điểm năm 2017 đến nay thì thấy rằng ông K là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông trở lên, ông K có các quyền theo quy định tại Điều 115 Luật Doanh nghiệp: “*Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty*”; thực tế ông K là Phó Giám đốc tài chính của Công ty nên các quyền của cổ đông nêu trên đã được bảo đảm thực hiện. Tại thời điểm giải quyết tranh chấp ông K không còn là cổ đông của Công ty nữa nên yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

[2.5] Với các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K là có cơ sở. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới, người kháng cáo không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn K, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 29 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K. Giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Ông Nguyễn Văn K phải nộp án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, đối trừ 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000890 ngày 13/7/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Xác nhận ông Nguyễn Văn K đã thi hành xong án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P. HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đặng Thị Thơm